TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/QĐST-DS	*Thọ Xuân, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 63/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ1** (S1)

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ1.

Người đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Dương Văn Đ – giám đốc xử lý nợ
2. Ông Nguyễn Tuấn L – Chuyên viên
3. Ông Nguyễn Xuân S – Chuyện Viên

Địa chỉ: 19 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1972,

Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1971,

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 20/4/2023 ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ1 (S1) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1913400419/HDTD/THA-LVB ngày 20/05/2019 và Giấy nhận nợ kèm theo, tổng số tiền là 330.050.544đ *(ba trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng),* trong đó nợ gốc 324.818.000đ *(ba trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng)*, nợ lãi 5.232.544đ *(năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng)*.

2.2. Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 (S1) số tiền nợ gốc và số tiền lãi phát sinh theo các kỳ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1913400419/HDTD/THA-LVB ngày 20/05/2019; Đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 09/05/2019, kể từ ngày 21/04/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại S1.

2.3. Trong trường hợp ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ kỳ trả nợ nào theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi toàn bộ khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 756, tờ bản đồ số: 15, diện tích: 87,0m^2, địa chỉ: Thôn H, xã P (nay là thôn E, xã P), huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 010718, số vào sổ cấp GCN: CH-02497 do UBND huyện T cấp ngày 12/01/2016 mang tên Hộ ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1913400419/HDTC/THA-LVB, Số công chứng 2648, Quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2019 tại Văn phòng C. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ các tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S1 thì ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay./.

2.4. Về án phí: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.251.200 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ1 (S1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.555.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/00014521 ngày 01/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến